

# Ball Junior High School

## Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học năm 2023-2024 (Công bố trong năm học 2024-2025)



### Thông tin chung về Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học (SARC)

#### Tổng quan về SARC



Theo luật của tiểu bang, trước ngày 1 tháng 2 hàng năm, mọi trường học ở California đều phải công bố Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học (SARC). SARC bao gồm các thông tin về tình trạng và thành tích của từng trường công lập tại California. Theo Danh Mục Kiểm Soát Tài Chính Địa Phương (LCFF), tất cả các cơ quan giáo dục địa phương (LEA) đều phải lập Kế Hoạch Tự Chủ và Trách Nhiệm Giải Trình của Địa Phương (LCAP), trong đó mô tả cách họ dự định đạt được các mục tiêu cụ thể hằng năm của trường học cho tất cả học sinh, với các hoạt động cụ thể nhằm giải quyết các ưu tiên của tiểu bang và địa phương. Ngoài ra, dữ liệu được báo cáo trong LCAP phải nhất quán với dữ liệu được báo cáo trong SARC.

- Để biết thêm thông tin về các yêu cầu của SARC và quyền truy cập các báo cáo của những năm trước, vui lòng tham khảo trang web SARC của Cơ Quan Giáo Dục California (CDE) tại địa chỉ <https://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/>.
- Để biết thêm thông tin về LCFF hoặc LCAP, vui lòng truy cập trang web LCFF của CDE tại <https://www.cde.ca.gov/fg/aa/lc/>.
- Để biết thêm thông tin về trường học, phụ huynh/người giám hộ và thành viên cộng đồng nên liên hệ với hiệu trưởng trường học hoặc văn phòng khu học chánh.

Quý vị có thể yêu cầu nhận bản cứng Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học tại Văn Phòng Trường.

#### DataQuest



DataQuest là một công cụ dữ liệu trực tuyến tích hợp trên trang web DataQuest của CDE tại địa chỉ <https://dq.cde.ca.gov/dataquest/> bao gồm thông tin bổ sung về trường học này và thông tin so sánh giữa trường với khu học chánh và quận. Cụ thể, DataQuest là một hệ thống động cung cấp các báo cáo về trách nhiệm giải trình (ví dụ: dữ liệu khảo thí, tuyển sinh, học sinh tốt nghiệp trung học, bỏ học, số lượng ghi danh khóa học, nhân sự và dữ liệu liên quan đến người học tiếng Anh).

#### Bảng Thông Tin Trường Học Tiểu Bang California



Bảng Thông Tin Trường Học Tiểu Bang California (Bảng Thông Tin) <https://www.caschooldashboard.org/> phản ánh hệ thống cải tiến liên tục và trách nhiệm giải trình mới của California và cung cấp thông tin về cách các LEA và trường học đáp ứng nhu cầu của các nhóm học sinh đa dạng tại California. Bảng Thông Tin chứa các báo cáo hiển thị thành tích hoạt động của LEA, trường học và nhóm học sinh theo một loạt các thước đo của tiểu bang và địa phương để hỗ trợ xác định điểm mạnh, thách thức và lĩnh vực cần cải thiện.

#### Truy cập Internet

Có thể truy cập Internet tại các thư viện công cộng và những địa điểm khác mà công chúng có thể truy cập (ví dụ: Thư Viện Tiểu Bang California). Việc truy cập Internet tại các thư viện và địa điểm công cộng thường được thực hiện theo nguyên tắc ai đến trước được phục vụ trước. Các hạn chế sử dụng khác có thể bao gồm giờ hoạt động, thời gian sử dụng máy trạm (tùy theo tình trạng sẵn có), loại chương trình phần mềm có sẵn trên máy trạm và khả năng in tài liệu.

<b>Yêu Cầu Tuyển Sinh vào Đại Học California (UC)</b>	Yêu cầu tuyển sinh vào UC tuân theo các hướng dẫn nêu trong Kế Hoạch Chung, trong đó yêu cầu một phần tám số học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông của tiểu bang, cũng như những học sinh chuyển trường đã hoàn thành các khóa học đại học cụ thể, đủ điều kiện được tuyển sinh vào UC. Những yêu cầu này được thiết kế nhằm đảm bảo tất cả học sinh đủ điều kiện đều được chuẩn bị đầy đủ cho chương trình học ở bậc Đại học. Để biết các yêu cầu tuyển sinh chung, vui lòng truy cập trang web Thông Tin Tuyển Sinh của UC tại địa chỉ <a href="https://admission.universityofcalifornia.edu/">https://admission.universityofcalifornia.edu/</a> .
<b>Yêu Cầu Tuyển Sinh vào Đại Học Tiểu Bang California (CSU)</b>	Điều kiện để được nhận vào CSU được xác định bởi ba yếu tố: (1) Các khóa học cụ thể ở trường trung học, (2) Điểm số ở các khóa học cụ thể và điểm thi, và (3) Tốt nghiệp trung học. Một số trường có tiêu chuẩn cao hơn cho các chuyên ngành cụ thể hoặc học sinh cư trú bên ngoài khu vực trường. Do số lượng học sinh nộp đơn nhiều nên một số trường có tiêu chuẩn cao hơn (tiêu chuẩn tuyển sinh bổ sung) cho tất cả các ứng viên. Hầu hết các cơ sở CSU đều có chính sách đảm bảo tuyển sinh tại địa phương cho học sinh tốt nghiệp hoặc chuyển tiếp từ các trường trung học và cao đẳng có lịch sử liên kết với cơ sở CSU trong khu vực đó. Để biết thông tin về tuyển sinh, cách nộp đơn và lệ phí, vui lòng tham khảo trang web CSU tại địa chỉ <a href="https://www2.calstate.edu/">https://www2.calstate.edu/</a> .

### Thông tin liên lạc của Trường năm học 2024-25

<b>Tên Trường học</b>	Ball Junior High School
<b>Đường phố</b>	1500 West Ball Road
<b>Thành phố, Tiểu bang, Mã bưu chính</b>	Anaheim, CA 92802-1626
<b>Số điện thoại</b>	(714) 999-3663
<b>Hiệu Trường</b>	Maryanna Lee
<b>Địa chỉ email</b>	lee_ma@auhsd.us
<b>Trang web của Trường</b>	<a href="https://ball.auhsd.us">https://ball.auhsd.us</a>
<b>Phạm vi cấp lớp</b>	7-8
<b>Mã Quận-Khu Học Chánh-Trường (CDS)</b>	30664316061683

### Thông tin liên lạc của Khu học chánh 2024-25

<b>Tên Khu học chánh</b>	Anaheim Union High School District
<b>Số điện thoại</b>	(714) 999-3511
<b>Giám Đốc Khu Học Chánh</b>	Michael B. Matsuda
<b>Địa chỉ email</b>	webmaster@auhsd.us
<b>Trang web của Khu học chánh</b>	<a href="https://www.auhsd.us">https://www.auhsd.us</a>

### Mô Tả và Tuyên Bố Sứ Mệnh của Trường năm học 2024-25

<b>Vision Statement:</b> Empowered to dream and grow together.
<b>Mission Statement:</b> Ball Junior High School is committed to providing all students with: <ul style="list-style-type: none"> <li>Engaging, enriching, and rigorous learning experiences that emphasize 21st Century skills.</li> <li>A safe, caring, and positive academic atmosphere founded on mutual respect for all stakeholders.</li> <li>A staff that is committed to working with students and family members to help build the necessary social and academic skills to ensure students are college and career ready.</li> </ul>
<b>Highlights:</b>

## Mô Tả và Tuyên Bố Sứ Mệnh của Trường năm học 2024-25

Ball Junior High School offers the following courses, which ultimately support students in completing University of California A-G requirements: Math 1, Math 2, Spanish 1 and Spanish 1 for Spanish Speakers. Ball Junior High School also has an award-winning Visual and Performing Arts program (Art 1, Art 2, Drama, Band [beginning, intermediate, advanced], ukulele and choir [beginning, intermediate, advanced and Jazz ensemble]). We also have a thriving AVID, MESA Drone and intramural sports program. Ball Junior High School offers inclusion classes (co-taught) in English, math, science, and history for our students with special needs. We also offer AVID Excel 7/8 as an additional academic support for English Learners. Specialized Academic Instruction is offered for all SWD students which included co-taught and/or collaboration courses for students to meet and support their individual needs.

Ball Junior High School staff have made a conscious effort to focus on the development of the 5Cs (Creativity, Critical Thinking, Communication, Collaboration, and Citizenship) in the classroom, and increase student engagement through the use of the District's Career preparedness systems framework (CPSF) when planning lessons. Our teachers have increased collaboration time in their own departments and with other departments in all subject areas. Our teachers have been trained in Capturing Kids Hearts, and as a result of that training, staff have committed to knowing the name, face, and story of each student, greeting students at the door daily, developing a social contract with all classes, using positive affirmations, and focusing on emphasizing kindness and compassion to create safe spaces for students to learn.

Ball Junior High School offers daily tutoring after school to help students who are struggling academically. This is in addition to the after-school hours that individual teachers are available to students who need assistance. Additionally, Ball Junior High School offers Saturday Academy enrichment courses on a monthly basis.

### Demographic Information:

Ball Junior High School, located in Anaheim, California, serves 844 students, in which 93.1% are Socioeconomically disadvantaged, 35.2% are designated as English Learners, 0.7% are Foster Youth, and 16.9% are Students With Disabilities. The demographic profile also indicates the following regarding student subgroups: 83.4% Hispanic; 4.5% White; 5.1% Asian; 1.2% African American, 2.6% American Indian/ Alaska Native, 0.8% Hawaiian/ Pacific Islander, and 1.1% Mixed Race/Multiracial.

## Giới thiệu Trường

### Tuyển sinh năm 2023-24 theo từng khối lớp

Khối lớp	Số lượng học sinh
Lớp 7	415
Lớp 8	429
Tổng tuyển sinh	844

## Tuyển sinh năm 2023-24 theo nhóm học sinh

Nhóm học sinh	Phần trăm tổng tuyển sinh
Nữ	47.9
Nam	52.1
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	2.6
Người gốc Á	5.1
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	1.2
Người gốc Philippines	1.1
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	83.4
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	0.8
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	1.1
Người Da Trắng	4.5
Người Học Tiếng Anh	35.2
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	0.7
Học sinh vô gia cư	3.1
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	93.1
Học sinh khuyết tật	16.9

## A. Điều kiện học tập

## Ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản (Ưu tiên 1):

- Mức độ giáo viên được phân công phù hợp và có đầy đủ chứng chỉ trong lĩnh vực môn học và đối tượng học sinh mà họ giảng dạy;
- Học sinh có quyền tiếp cận các tài liệu giảng dạy phù hợp với tiêu chuẩn; và
- Cơ sở vật chất của trường được bảo trì tốt.

### Chuẩn Bị và Bố Trí Giáo Viên năm 2020-21

Ủy quyền/Phân công	Trường học Số	Trường học Phần trăm	Khu học chánh Số	Khu học chánh Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Được cấp phép đầy đủ (sơ bộ hoặc rõ ràng) cho môn học và xếp lớp của học sinh (được phân công phù hợp)	28.10	72.14	897.90	74.43	228366.10	83.12
Người giữ chứng chỉ thực tập được phân công phù hợp	0.00	0.00	3.00	0.25	4205.90	1.53
Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai ("không hiệu quả" theo ESSA)	2.20	5.78	49.90	4.14	11216.70	4.08
Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực ("ngoài lĩnh vực" theo ESSA)	0.30	0.85	29.50	2.45	12115.80	4.41
Không rõ/Không đầy đủ/Không áp dụng	8.20	21.21	226.00	18.73	18854.30	6.86
<b>Tổng số vị trí giảng dạy</b>	<b>38.90</b>	<b>100.00</b>	<b>1206.40</b>	<b>100.00</b>	<b>274759.10</b>	<b>100.00</b>

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Ngoài ra, phân công nhiệm vụ được định nghĩa là vị trí mà nhà giáo dục được giao dựa trên bối cảnh, môn học và trình độ lớp học. Ủy quyền được định nghĩa là các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

### Chuẩn Bị và Bố Trí Giáo Viên năm 2021-22

Ủy quyền/Phân công	Trường học Số	Trường học Phần trăm	Khu học chánh Số	Khu học chánh Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Được cấp phép đầy đủ (sơ bộ hoặc rõ ràng) cho môn học và xếp lớp của học sinh (được phân công phù hợp)	36.60	86.51	1094.60	83.18	234405.20	84.00
Người giữ chứng chỉ thực tập được phân công phù hợp	1.00	2.36	8.50	0.65	4853.00	1.74
Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai ("không hiệu quả" theo ESSA)	2.20	5.21	73.20	5.56	12001.50	4.30
Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực ("ngoài lĩnh vực" theo ESSA)	1.00	2.36	32.80	2.50	11953.10	4.28
Không rõ/Không đầy đủ/Không áp dụng	1.50	3.54	106.80	8.11	15831.90	5.67
<b>Tổng số vị trí giảng dạy</b>	<b>42.30</b>	<b>100.00</b>	<b>1316.10</b>	<b>100.00</b>	<b>279044.80</b>	<b>100.00</b>

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Ngoài ra, phân công nhiệm vụ được định nghĩa là vị trí mà nhà giáo dục được giao dựa trên bối cảnh, môn học và trình độ lớp học. Ủy quyền được định nghĩa là các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

## Chuẩn Bị và Bố Trí Giáo Viên năm 2022-23

Ủy quyền/Phân công	Trường học Số	Trường học Phần trăm	Khu học chánh Số	Khu học chánh Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Được cấp phép đầy đủ (sơ bộ hoặc rõ ràng) cho môn học và xếp lớp của học sinh (được phân công phù hợp)	39.40	88.87	1131.10	84.42	231142.40	83.24
Người giữ chứng chỉ thực tập được phân công phù hợp	0.90	2.23	12.10	0.90	5566.40	2.00
Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	1.20	2.79	55.40	4.14	14938.30	5.38
Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	0.10	0.32	41.30	3.09	11746.90	4.23
Không rõ/Không đầy đủ/Không áp dụng	2.50	5.74	99.80	7.45	14303.80	5.15
<b>Tổng số vị trí giảng dạy</b>	<b>44.40</b>	<b>100.00</b>	<b>1340.00</b>	<b>100.00</b>	<b>277698.00</b>	<b>100.00</b>

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Ngoài ra, phân công nhiệm vụ được định nghĩa là vị trí mà nhà giáo dục được giao dựa trên bối cảnh, môn học và trình độ lớp học. Ủy quyền được định nghĩa là các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

## Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai (được coi là “không hiệu quả” theo ESSA)

Ủy quyền/Phân công	2020-21	2021-22	2022-23
Giấy phép và Miễn trừ	0.00	0.00	0
Phân công sai	2.20	2.20	1.2
Vị trí trống	0.00	0.00	0
<b>Tổng số giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai</b>	<b>2.20</b>	<b>2.20</b>	<b>1.2</b>

## Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực (được coi là “ngoài lĩnh vực” theo ESSA)

Chỉ số	2020-21	2021-22	2022-23
Giáo viên có chứng chỉ được cấp phép hoặc miễn trừ	0.30	1.00	0
Các tùy chọn phân công nội bộ	0.00	0.00	0.1
<b>Tổng số giáo viên ngoài lĩnh vực</b>	<b>0.30</b>	<b>1.00</b>	<b>0.1</b>

## Phân công lớp học

Chỉ số	2020-21	2021-22	2022-23
<b>Phân công sai cho Người học tiếng Anh</b> (tỷ lệ phần trăm tất cả các lớp học có Người học tiếng Anh được giảng dạy bởi giáo viên được phân công sai)	8.10	6.1	2.4
<b>Không có bằng cấp, giấy phép hoặc ủy quyền giảng dạy</b> (tỷ lệ phần trăm tất cả các lớp học được giảng dạy bởi các giáo viên không có hồ sơ ủy quyền giảng dạy)	2.50	0	0

Lưu ý: Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo trang web Định Nghĩa về Công Bằng của Giáo Viên được cập nhật tại địa chỉ <https://www.cde.ca.gov/pd/ee/teacherequitydefinitions.asp>.

## Chất lượng, Tính cập nhật, Tính sẵn có của Sách giáo khoa và các tài liệu giảng dạy khác năm 2024-25

All content subject areas utilize standards-aligned, State and District adopted textbooks and instructional materials. Teachers have input into the textbook selection process at the district level through an established curriculum cycle. Teachers are given in-depth training on the instructional materials and the ancillary materials that accompany the basic textbook material. Ancillary materials support both the language needs and the learning needs of students.

This information was collected November 19, 2024

Năm và tháng dữ liệu được thu thập

November 19, 2024

Môn học	Sách giáo khoa và các tài liệu giảng dạy khác/năm áp dụng	Từ lần áp dụng gần đây nhất?	Phần trăm học sinh không có bản sao được giao riêng
Độc/Ngữ văn	English language arts textbooks, Houghton Mifflin Harcourt-Collections, were adopted in 2014-15. There is one textbook available per student.	Yes	0
Toán	Mathematics textbooks, by Houghton Mifflin Harcourt for 7-8 grades and Mc Graw Hill for 9-12 grades were adopted in 2020-21. Course appropriate, standards-aligned instructional materials have been selected for each mathematics course. There is one textbook available per student. All were adopted during the 2020-2021 school year. Math 7/7H & Math 7: Houghton Mifflin Harcourt - Into Math Grade 7 Math 8/8H & Math 8: Houghton Mifflin Harcourt - Into Math Grade 8 Integrated Math I: McGraw Hill - Reveal Math Integrated I Integrated Math II: McGraw Hill - Reveal Math Integrated Math II Integrated Math III: McGraw Hill - Reveal Math Integrated Math III Integrated Math 1-2 HP: McGraw Hill - Reveal Math Integrated I & McGraw Hill - Reveal Math Integrated II Integrated Math 2-3 HP: McGraw Hill - Reveal Math Integrated II & McGraw Hill - Reveal Math Integrated III	Yes	0
Khoa Học	Science textbooks, California HMH Science Dimensions was adopted in 2018-19 for 7 & 8 grades. Science textbooks for grades 7 and 8 Integrated Science were adopted in 2018-19: HMH CA Science Dimensions. The e-text and one consumable textbook is available per student.	Yes	0
Lịch sử-Khoa học xã hội	History/Social science textbooks were adopted in 2018-19 and 2019-20. 7th grade-Cengage Learning-World History: Medieval and Early Modern Times, CA Student Edition 8th grade- McGraw-Hill- United States History and Geography- Growth and Conflict 10th grade- McGraw-Hill-World History, Culture, and Geography: The Modern World, CA Student Edition 11th grade- McGraw-Hill- United States History and Geography- Conflict and Change 12th grade- McGraw-Hill- Principles of American Democracy. Savvas- California Economics Principles in Action There is one textbook available per each student.	Yes	0

<p><b>Ngoại ngữ</b></p>	<p>Foreign language textbooks are adopted as needed by course. Current book being used for Spanish class includes the Vista Higher Learning series, "Senderos 1" and "Senderos 2" these books were adopted in 2023. Additionally, supplemental books continue to be adopted each year. There is one textbook available per student.</p> <p>Below is the list of districtwide World Language adopted instructional materials:</p> <p>American Sign Language 1: Master ASL! 1, ISBN: 9781881133209, Adopted: 2017/2018</p> <p>American Sign Language 2 and American Sign Language 3: Signing Naturally 3, ISBN: 9781581211351, Adopted: 2017/2018</p> <p>American Sign Language 4: Translating from English, ISBN: 9781581211009, Adopted 2017/2018</p> <p>Arabic 1: Al-Asas for Teaching Arabic to Non-Native Speakers 1, ISBN: 9781933269092, Adopted 2019/2020</p> <p>Arabic 2: Al-Asas for Teaching Arabic to Non-Native Speakers 2, ISBN: 9781933269108, Adopted 2019/2020</p> <p>Arabic 3 and Arabic 4: Al-Asas for Teaching Arabic to Non-Native Speakers 3, ISBN: 9781933269115, Adopted 2019/2020</p> <p>French 1: Chemins 1, ISBN: 9781543362237, Adopted: 2023/2024</p> <p>French 2: Chemins 2, ISBN: 9781543362299, Adopted 2023/2024</p> <p>French 3: Chemins 3, ISBN: 9781543362312, Adopted: 2023/2024</p> <p>French 4: Chemins 4, ISBN: 9781543362336, Adopted: 2023/2024</p> <p>AP French Language and Culture: Themes, ISBN: 9781680040272, Adopted: 2015/2016</p> <p>Japanese 1: Adventures In Japanese 1, ISBN: 781622910564, Adopted: 2015/2016</p> <p>Japanese 2: Adventures in Japanese 2, ISBN: 9781622910663, Adopted: 2015/2016</p> <p>Japanese 3: Adventures in Japanese 3, ISBN: 9780887173995, Adopted: 2003/2004</p> <p>Japanese 4: Adventures in Japanese 4, ISBN: 9780887274428, Adopted: 2003/2004</p> <p>Korean 1: EPIC Korean 1, ISBN: 9781636849409, Adopted: 2022/2023</p> <p>Korean 2: EPIC Korean 2, ISBN: 9781636849423, Adopted: 2022/2023</p> <p>Korean 3: EPIC Korean 3, ISBN: 9781636849447, Adopted: 2023/2024</p> <p>Korean 4: EPIC Korean 4, ISBN: 9781636849461, Adopted: 2022-2023</p> <p>Mandarin 1 and Mandarin 2: Zhen Bang! 1, ISBN: 9780821981368, Adopted: 2015/2016</p> <p>Mandarin 3 and Mandarin 4: Zhen Bang! 2, ISBN: 9780821988237, Adopted: 2015/2016</p> <p>Spanish 1: Senderos 1, ISBN: 9781543357936, Adopted: 2023/2024</p> <p>Spanish 2: Senderos 2, ISBN: 9781543358070, Adopted: 2023/2024</p> <p>Spanish 3: Senderos 3, ISBN: 9781543358131, Adopted: 2023/2024</p> <p>Spanish 4: Senderos 4, ISBN: 9781543358193, Adopted: 2023/2024</p> <p>Spanish for Spanish Speakers 1: Cajas de Cartón (The Circuit), ISBN: 9780618226160 (Novel), La Casa De Mango Street (The House on Mango Street), ISBN: 9780679755265 (Novel), El Color de Mis Palabras, ISBN: 9781930332751 (Novel), Esperanza Renace (Esperanza Rising), ISBN: 9780439398855 (Novel), Adopted: 2017</p>	<p>Yes</p>	<p>0</p>
-------------------------	---	------------	----------



	<p>Spanish for Spanish Speakers 2: Antes de Ser Libres, ISBN: 9780375815454 (Novel), Caramelo, ISBN: 9781400030996 (Novel), Senderos Fronterizos (Breaking Through), ISBN: 9780618226184 (Novel), La Travesia de Enrique (Enrique's Journey), ISBN: 9780553535549 (Novel), Voces Sin Fronteras (Voices without Frontiers), ISBN: 9781400077199 (Novel), Adopted: 2017</p> <p>Spanish for Spanish Speakers 3: Más Allá de Mí, ISBN: 9780547250311 (Novel), El Alquimista (The Alchemist), ISBN: 9780062511409 (Novel), Cuando Era Puertorriqueña (When I was Puerto Rican), ISBN: 9780679756774 (Novel), Los de Abajo, ISBN: 9780140266214 (Novel), Me Llamo Rigoberta Menchu, ISBN: 9789682313158 (Novel), Adopted: 2017</p> <p>AP Spanish Literature &amp; Culture: Azulejo, ISBN: 9781938026225, Adopted: 2022/2023</p> <p>AP Spanish Language &amp; Culture: Temas, ISBN: 9781543301380, Adopted: 2022/2023 and Abriendo Puertas, ISBN: 9780618222070, Adopted: 2012/2013</p> <p>IB Spanish: Temas Para Español B, ISBN: 9781543310658, Adopted: 2019/2020</p> <p>Vietnamese 1 and Vietnamese 2: Tiếng Việt M?n Yêu A, ISBN: 9780997751208, Adopted 2018/2019</p> <p>Vietnamese 3: Tiếng Việt M?n Yêu B, ISBN: 9780997751215, Adopted 2019/2020</p> <p>Vietnamese 4H and Vietnamese 5H: Tiếng Việt M?n Yêu C, ISBN: 9780997751222, Adopted 2019/2020</p> <p>Vietnamese 6H: Tiếng Việt M?n Yêu D, ISBN: 9780997751231, Adopted 2019/2020</p>		
Sức khỏe	Health textbooks, McGraw Hill-Teen Health for 7-8 grades, and Goodheart Wilcox-Comprehensive Health for High School were adopted in 2016-17. There is one textbook available per student.	Yes	0
Nghệ thuật thị giác và biểu diễn	Visual and performing arts students have access to course appropriate textbooks and instructional materials.	Yes	0
Thiết bị phòng thí nghiệm khoa học (lớp 9-12)	Không áp dụng	Không áp dụng	NA

Lưu ý: Các ô có giá trị Không áp dụng không yêu cầu dữ liệu.

## Điều kiện cơ sở vật chất của trường và những cải tiến theo kế hoạch

Ball Junior High School is a comprehensive middle school established in 1962. The 24 acre site includes 40 regular classrooms and 2 portable classrooms. There are 15 labs, which are designed for specific programs (i.e. computer labs, science labs, choral music room, drones etc.). The site also includes a cafeteria, a media center, a gym, and a variety of sports fields.

Maintenance and Repair: Site and District maintenance staff ensure that the repairs necessary to keep the school in good repair and working order are completed in a timely manner. A work order process is used to ensure efficient service. Emergency repairs are given the highest priority.

Cleaning Process and Schedule: The District's Board of Trustees has adopted cleaning standards for all schools. The administration works daily with the custodial staff to develop cleaning schedules to ensure a clean and safe school. All classrooms and restrooms are cleaned daily. Deep cleaning, including waxing of floors and painting, takes place during times when students are not in classes. Students, parents, and staff are encouraged to report any objectionable conditions via a uniform complaint procedure.

The most recent site inspection was completed on October 18, 2024

Năm và tháng lập báo cáo FIT gần đây nhất

October, 2024

Hệ thống đã được kiểm tra	Đánh giá Tốt	Đánh giá Trung bình	Đánh giá Kém	Cần sửa chữa và hành động đã thực hiện hoặc đã lên kế hoạch
---------------------------	--------------	---------------------	--------------	---

## Điều kiện cơ sở vật chất của trường và những cải tiến theo kế hoạch

<b>Hệ thống:</b> Rò rỉ khí gas, Cơ khí/HVAC, Cổng rãnh	X			HVAC units have been condemned and need to be repaired (band, room 39, room 40, cafeteria, six plex)
<b>Nội thất:</b> Bề mặt nội thất	X			Room 41 walls have mold. Gym needs new flooring.
<b>Độ sạch sẽ:</b> Độ sạch sẽ chung, Sự xâm nhập của sâu bọ	X			
<b>Điện</b>	X			Quad lights and administration office lights need repairs
<b>Nhà vệ sinh/Bồn rửa:</b> Nhà vệ sinh, bồn rửa	X			
<b>An toàn:</b> An toàn cháy nổ, Vật liệu nguy hại	X			
<b>Kết cấu:</b> Hư hỏng về kết cấu, Mái nhà	X			Broken Wall Around Marquee.
<b>Ngoại thất:</b> Sân chơi/Sân trường, Cửa sổ/Cửa ra vào/Cổng/Hàng rào	X			Asphalt Is Deteriorating. Asphalt Walkways Located In The Amphitheater Are Deteriorating. The Stage Steps Have A Couple Big Chips/Broken Off Cement. Tennis courts and basketball courts asphalt needs repairs and replacement along with new backboards and hoops.

## Đánh giá chung về cơ sở vật chất

Mẫu mực	Tốt	Trung bình	Kém
	X		

## B. Kết quả học tập của học sinh

### Ưu tiên của Tiểu bang: Thành tích học sinh

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Thành tích của học sinh (Ưu tiên 4):

#### Bài Đánh Giá Toàn Tiểu Bang

(cụ thể là Hệ Thống Bài Đánh Giá Thành Tích và Tiến Bộ của Học Sinh California [CAASPP] bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced dành cho học sinh trong nhóm giáo dục phổ thông và Bài Đánh Giá Thay Thế California [CAA] dành cho môn ngữ văn Anh/đọc viết [ELA] và toán được tổ chức cho học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một. Chỉ những học sinh đủ điều kiện mới có thể tham gia bài đánh giá CAA. Các mục kiểm tra trong bài đánh giá CAA được liên kết với các tiêu chuẩn thành tích thay thế, có liên quan đến Tiêu Chuẩn Cốt Lõi Chung của Tiểu Bang [CCSS] dành cho học sinh có khuyết tật nhận thức nghiêm trọng nhất).

Hệ thống CAASPP bao gồm các bài đánh giá và yêu cầu tham gia của học sinh như sau:

- Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA cho môn ELA** từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một.
- Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA cho môn Toán** từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một.
- Bài Kiểm Tra Khoa Học California (CAST) và CAA về Khoa học** ở lớp năm, lớp tám và một lần ở bậc trung học (tức là lớp mười, lớp mười một hoặc lớp mười hai).

#### Mức độ sẵn sàng vào Đại học và Đi làm

Tỷ lệ học sinh đã hoàn thành các khóa học đáp ứng được các yêu cầu tuyển sinh vào Đại Học California và Đại Học Tiểu Bang California, hoặc các chương trình hoặc trình tự giáo dục kỹ thuật nghề nghiệp.

## Tỷ lệ học sinh đạt hoặc vượt tiêu chuẩn của tiểu bang trong CAASPP

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP về môn ELA và Toán cho tất cả học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang tổ chức.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Kết quả kiểm tra ELA và Toán bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá.

Môn học	Trường học 2022-23	Trường học 2023-24	Khu học chánh 2022-23	Khu học chánh 2023-24	Tiểu bang 2022-23	Tiểu bang 2023-24
<b>Ngữ văn Anh/Đọc viết</b> (lớp 3-8 và 11)	25	18	42	42	46	47
<b>Toán</b> (lớp 3-8 và 11)	8	7	24	24	34	35

## Kết quả khảo thí CAASPP năm 2023-24 môn ELA theo nhóm học sinh

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP về môn ELA theo nhóm học sinh cho tất cả học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang tổ chức.

Kết quả kiểm tra ELA bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Lưu ý: Số lượng học sinh được khảo thí bao gồm tất cả học sinh tham gia khảo thí bất kể có nhận được điểm hay không; tuy nhiên, số lượng học sinh được khảo thí không phải là con số được sử dụng để tính phần trăm mức thành tích. Mức thành tích chỉ được tính cho những học sinh nhận được điểm.

(CAASPP) Nhóm học sinh	(CAASPP) Tổng TUYỂN SINH	(CAASPP) Số được khảo thí	(CAASPP) Phần trăm được khảo thí	(CAASPP) Phần trăm không được khảo thí	(CAASPP) Phần trăm đạt hoặc vượt chuẩn
<b>Tất cả học sinh</b>	840	820	97.62	2.38	18.44
<b>Nữ</b>	405	395	97.53	2.47	22.84
<b>Nam</b>	435	425	97.70	2.30	14.35
<b>Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa</b>	21	21	100.00	0.00	23.81
<b>Người gốc Á</b>	44	43	97.73	2.27	53.49
<b>Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi</b>	13	10	76.92	23.08	--
<b>Người gốc Philippines</b>	--	--	--	--	--
<b>Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh</b>	699	684	97.85	2.15	14.79
<b>Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương</b>	--	--	--	--	--
<b>Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên</b>	11	11	100.00	0.00	54.55
<b>Người Da Trắng</b>	35	34	97.14	2.86	23.53
<b>Người Học Tiếng Anh</b>	299	293	97.99	2.01	2.39
<b>Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng</b>	--	--	--	--	--
<b>Học sinh vô gia cư</b>	26	24	92.31	7.69	12.50
<b>Quân đội</b>	65	65	100.00	0.00	7.69
<b>Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn</b>	772	755	97.80	2.20	17.77
<b>Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư</b>	0	0	0	0	0
<b>Học sinh khuyết tật</b>	140	138	98.57	1.43	5.07

## Kết quả khảo thí CAASPP năm 2023-24 môn Toán theo nhóm học sinh

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP về môn Toán theo nhóm học sinh cho tất cả học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang tổ chức.

Kết quả kiểm tra môn Toán bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Lưu ý: Số lượng học sinh được khảo thí bao gồm tất cả học sinh tham gia khảo thí bất kể có nhận được điểm hay không; tuy nhiên, số lượng học sinh được khảo thí không phải là con số được sử dụng để tính phần trăm mức thành tích. Mức thành tích chỉ được tính cho những học sinh nhận được điểm.

(CAASPP) Nhóm học sinh	(CAASPP) Tổng TUYỂN SINH	(CAASPP) Số được khảo thí	(CAASPP) Phần trăm được khảo thí	(CAASPP) Phần trăm không được khảo thí	(CAASPP) Phần trăm đạt hoặc vượt chuẩn
Tất cả học sinh	839	817	97.38	2.62	7.11
Nữ	405	393	97.04	2.96	4.33
Nam	434	424	97.70	2.30	9.69
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	21	21	100.00	0.00	9.52
Người gốc Á	44	43	97.73	2.27	41.86
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	13	10	76.92	23.08	--
Người gốc Philippines	--	--	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	698	681	97.56	2.44	4.41
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	--	--	--	--	--
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	11	11	100.00	0.00	9.09
Người Da Trắng	35	34	97.14	2.86	14.71
Người Học Tiếng Anh	298	291	97.65	2.35	1.72
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	--	--	--	--	--
Học sinh vô gia cư	26	24	92.31	7.69	4.17
Quân đội	65	65	100.00	0.00	6.15
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	771	753	97.67	2.33	6.52
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	140	138	98.57	1.43	5.11

## Kết quả khảo thí CAASPP môn Khoa học dành cho tất cả học sinh

Bảng này hiển thị tỷ lệ phần trăm tất cả học sinh lớp năm, lớp tám và trung đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn của Tiểu bang.

Kết quả kiểm tra môn Khoa học bao gồm CAST và CAA môn Khoa học. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong CAST cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA cho môn Khoa học chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá môn khoa học.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Số lượng học sinh được khảo thí bao gồm tất cả học sinh tham gia khảo thí bất kể có nhận được điểm hay không; tuy nhiên, số lượng học sinh được khảo thí không phải là con số được sử dụng để tính phần trăm mức thành tích. Mức thành tích chỉ được tính cho những học sinh nhận được điểm.

Môn học	Trường học 2022-23	Trường học 2023-24	Khu học chánh 2022-23	Khu học chánh 2023-24	Tiểu bang 2022-23	Tiểu bang 2023-24
<b>Khoa Học</b> (lớp 5, 8 và trung học)	9.97	5.97	28.38	28.30	30.29	30.73

## Kết quả khảo thí CAASPP năm 2023-24 môn Khoa học theo nhóm học sinh

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP môn Khoa học theo nhóm học sinh lớp năm, lớp tám và trung học. Dấu gạch ngang kép (--) xuất hiện trong bảng khi số lượng học sinh từ mười trở xuống, có thể là do số lượng học sinh trong danh mục này quá ít để đảm bảo độ chính xác về mặt thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Nhóm học sinh	Tổng TUYỂN SINH	Số được khảo thí	Phần trăm được khảo thí	Phần trăm không được khảo thí	Phần trăm đạt hoặc vượt chuẩn
Tất cả học sinh	420	413	98.33	1.67	6.80
Nữ	206	203	98.54	1.46	3.47
Nam	214	210	98.13	1.87	10.00
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	12	12	100.00	0.00	16.67
Người gốc Á	25	24	96.00	4.00	33.33
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	--	--	--	--	--
Người gốc Philippines	--	--	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	344	340	98.84	1.16	4.42
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	--	--	--	--	--
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	--	--	--	--	--
Người Da Trắng	19	18	94.74	5.26	11.11
Người Học Tiếng Anh	153	150	98.04	1.96	2.67
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	--	--	--	--	--
Học sinh vô gia cư	17	16	94.12	5.88	6.25
Quân đội	32	32	100.00	0.00	9.38
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	387	381	98.45	1.55	6.05
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	69	68	98.55	1.45	8.82

## Chương trình Giáo Dục Nghề Nghiệp và Kỹ Thuật 2023-24

AUHSD offers a wide variety of CTE pathways throughout the district's junior high school to high school feeder patterns. At Ball, CTE courses include 7th and 8th grade include drone technology courses and home economics. At Loara High School, Ball's students can continue to build on these skills by taking advanced drone courses, child development, design, visual and media arts, patient care, software and systems development and more. Additionally, there is a rich program offered via the ROP partnership.

## Tham gia Giáo Dục Nghề Nghiệp và Kỹ Thuật (CTE) năm 2023-24

Thước đo	Tham gia chương trình CTE
Số lượng học sinh tham gia CTE	451
Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình CTE và nhận bằng tốt nghiệp trung học	--
Tỷ lệ các khóa học CTE được sắp xếp theo trình tự hoặc liên kết giữa trường học và các cơ sở giáo dục sau trung học	1

## Đăng ký/Hoàn thành khóa học

Bảng này hiển thị các yêu cầu tuyển sinh/hoàn thành khóa học của Đại Học California (UC) và/hoặc Đại Học Tiểu Bang California (CSU).

Thước đo Khóa học UC/CSU	Phần trăm
Học sinh năm 2023-24 đã đăng ký các khóa học bắt buộc để được nhận vào UC/CSU	--
Học sinh tốt nghiệp năm 2022-23 đã hoàn thành tất cả các khóa học bắt buộc để được nhận vào UC/CSU	--

## B. Kết quả học tập của học sinh Ưu tiên của Tiểu bang: Kết quả khác của học sinh

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Các kết quả khác của học sinh (Ưu tiên 8): Kết quả học tập của học sinh trong môn giáo dục thể chất.

## Kết Quả Bài Kiểm Tra Thể Lực California 2023-24

Bảng này hiển thị tỷ lệ phần trăm tất cả học sinh lớp năm, lớp tám và trung đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn của Tiểu bang. Việc tổ chức khảo thí PFT chỉ yêu cầu kết quả tham gia của năm lĩnh vực thể lực này. Phần trăm không được tính toán và dấu gạch ngang kép (--) xuất hiện trong bảng khi số lượng học sinh được khảo thí từ mười trở xuống, có thể là do số lượng học sinh trong danh mục này quá ít để đảm bảo độ chính xác về mặt thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Khối lớp	Thành phần 1: Khả năng hiếu khí	Thành phần 2: Sức bền và Sức mạnh cơ bụng	Thành phần 3: Duỗi thân, Sức mạnh và Độ dẻo dai	Thành phần 4: Sức mạnh và Sức bền của thân trên	Thành phần 5: Độ linh hoạt
Lớp 7	96	97	98	98	98

## C. Mức độ gắn kết

### Ưu tiên của Tiểu bang: Sự tham gia của phụ huynh

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Sự tham gia của phụ huynh (Ưu tiên 3) Những nỗ lực của khu học chánh nhằm tìm kiếm ý kiến đóng góp của phụ huynh trong việc đưa ra quyết định liên quan đến khu học chánh và tại mỗi cơ sở trường học.

## Cơ hội tham gia của phụ huynh năm 2024-25

At Ball Junior High School, our Parents play a vital role in fostering a strong school community. We actively encourage parents to become involved in various ways such as:

- Participating in school activities
- Assisting with crosswalk and campus safety
- Supervising school dances
- Chaperoning field trips
- Supporting VAPA with safety and organization
- Helping with campus projects including Lunch with a Blackhawk, Dia de los Muertos, Student of the Month, and more
- Assisting with summer registration
- School Site Council Members
- Community Schools Committee Members

We provide the following ongoing training, workshops and support services for our parents and families:

- Family and Community Engagement Specialist (FACES)



## Cơ hội tham gia của phụ huynh năm 2024-25

- Community Schools Coordinator
- Full-Time Social Worker
- Ready Set Go (series of workshops to prepare parents for the upcoming school year; including school policies, introduction to educational platforms, staff personnel, etc.).
- Coffee with the Principal/School Counselors (discuss monthly themes including academics, and college and career readiness).
- Parent Learning Walks (Parents have the opportunity to observe classrooms to learn about current teaching strategies and practices).
- Parent Empowerment Program ("PEP" supports parents with all AUHSD initiatives and programs).
- Positiva Disciplina (Supports parents with supporting student behavior through empathy understanding and connection).
- Wellness Workshops (Workshops that focus on physical and mental health and connects families to resources).
- Financial Aid & Financial Literacy Workshops (Workshops that focus on financial aid and connects families to resources and community stakeholders).
- Educational Technology Training (Workshops specific to Aeries, eKadence, and Parent Square).
- Campus Tours
- ESL Courses (Evening classes to support adults with English acquisition)
- Farmers Market (Monthly farmers market in which parents and community members have access to fresh produce and food).
- Community building events including: board game nights, paint workshops, movie nights, and more.

Parents also have the opportunity to serve on key committees that meet regularly throughout the year, including the School Site Council, English Learners Advisory Committee (ELAC) and become a part of PTSA (Parent Teacher Student Association). Additionally, parents can join district-level groups like the Superintendent's Parent Advisory Council (SPAC), District English Learners Advisory Committee (DELAC) and AUHSD Parent Leadership Academy.

## Vắng mặt thường xuyên năm 2023-24 theo nhóm học sinh

Nhóm học sinh	Ghi danh tích lũy	Tuyển sinh đủ điều kiện vắng mặt thường xuyên	Số lượng vắng mặt thường xuyên	Tỷ lệ vắng mặt thường xuyên
Tất cả học sinh	902	885	275	31.1
Nữ	436	425	140	32.9
Nam	466	460	135	29.3
Phi nhị giới	--	--	--	--
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	23	21	6	28.6
Người gốc Á	46	45	1	2.2
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	13	12	5	41.7
Người gốc Philippines	--	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	751	740	246	33.2
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	--	--	--	--
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	--	--	--	--
Người Da Trắng	41	39	13	33.3
Người Học Tiếng Anh	327	321	111	34.6
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	14	13	4	30.8
Học sinh vô gia cư	35	31	13	41.9
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	842	826	264	32.0
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	--	--	--	--
Học sinh khuyết tật	160	157	61	38.9

Lưu ý: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

### C. Mức độ gắn kết

#### Ưu tiên của Tiểu bang: Môi Trường Học Đường

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Môi trường học đường (Ưu tiên 6)

- Tỷ lệ học sinh bị đình chỉ học tập;
- Tỷ lệ học sinh bị đuổi học; và
- Các thước đo địa phương khác về cảm giác an toàn

## Tỷ lệ đình chỉ và đuổi học

Bảng này hiển thị dữ liệu đình chỉ và đuổi học.

Đánh giá	Trường học 2021-22	Trường học 2022-23	Trường học 2023-24	Khu học chánh 2021-22	Khu học chánh 2022-23	Khu học chánh 2023-24	Tiểu bang 2021-22	Tiểu bang 2022-23	Tiểu bang 2023-24
<b>Đình chỉ</b>	1.48	4.63	5.99	2.75	3.78	4.06	3.17	3.6	3.28
<b>Đuổi học</b>	0	0	0	0	0	0	0.07	0.08	0.07

## Tỷ lệ đình chỉ và đuổi học theo nhóm học sinh năm 2023-24

Nhóm học sinh	Tỷ lệ đình chỉ	Tỷ lệ đuổi học
<b>Tất cả học sinh</b>	5.99	0.00
<b>Nữ</b>	4.59	0.00
<b>Nam</b>	7.30	0.00
<b>Phi nhị giới</b>	0.00	0.00
<b>Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa</b>	8.70	0.00
<b>Người gốc Á</b>	2.17	0.00
<b>Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi</b>	0.00	0.00
<b>Người gốc Philippines</b>	0.00	0.00
<b>Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh</b>	6.52	0.00
<b>Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương</b>	0.00	0.00
<b>Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên</b>	0.00	0.00
<b>Người Da Trắng</b>	4.88	0.00
<b>Người Học Tiếng Anh</b>	7.95	0.00
<b>Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng</b>	0.00	0.00
<b>Học sinh vô gia cư</b>	8.57	0.00
<b>Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn</b>	6.18	0.00
<b>Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư</b>	0.00	0.00
<b>Học sinh khuyết tật</b>	10.00	0.00

Lưu ý: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số 0 trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

## Kế Hoạch An Toàn Trường Học 2024-25

The school's Comprehensive School Safety Plan (CSSP) was last updated in March 2024. It is currently being reviewed and updated during this semester, with a final review scheduled for February by the School Site Council (SSC). The plan was also discussed with faculty and a

## Kế Hoạch An Toàn Trường Học 2024-25

student representative during the update process. Key elements of the plan include emergency procedures such as earthquake/fire drills, which occur once per semester (2 total), and lockdown drills, which are also conducted twice per semester (4 total). Additionally, advisory lessons are provided to students on how to respond during drills, followed by reflective lessons to reinforce the learning. The plan also includes provisions for equipping teachers with essential emergency supplies, such as emergency cards, student accountability forms, bright vests, and large visual signage to help students follow teachers during evacuations. Teachers are also provided with pens and clipboards for drills, ensuring they can take notes and maintain order. Every classroom is equipped with an emergency bucket, containing supplies for immediate use during emergencies. The safety plan is regularly reviewed and discussed to ensure the safety of all students and staff.

## Quy mô lớp học trung bình cho bậc sơ trung và Phân bố quy mô lớp học năm 2021-22

Bảng này hiển thị quy mô lớp học trung bình và phân bố quy mô lớp học năm 2020-21. Các cột có tiêu đề “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp học theo từng loại quy mô (phạm vi tổng số học sinh trên mỗi phòng học). Ở bậc sơ trung, thông tin này được báo cáo theo môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Quy mô lớp học trung bình	Số lượng lớp học với 1-22 học sinh	Số lượng lớp học với 23-32 học sinh	Số lượng lớp học với 33 học sinh
Ngữ Văn Anh	21	18	24	
Toán	23	11	23	2
Khoa Học	24	10	25	
Khoa Học Xã Hội	24	12	22	1

## Quy mô lớp học trung bình cho bậc sơ trung và Phân bố quy mô lớp học năm 2022-23

Bảng này hiển thị quy mô lớp học trung bình và phân bố quy mô lớp học năm 2021-22. Các cột có tiêu đề “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp học theo từng loại quy mô (phạm vi tổng số học sinh trên mỗi phòng học). Ở bậc sơ trung, thông tin này được báo cáo theo môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Quy mô lớp học trung bình	Số lượng lớp học với 1-22 học sinh	Số lượng lớp học với 23-32 học sinh	Số lượng lớp học với 33 học sinh
Ngữ Văn Anh	21	16	23	2
Toán	23	13	23	
Khoa Học	24	9	23	2
Khoa Học Xã Hội	23	10	24	1

## Quy mô lớp học trung bình cho bậc sơ trung và Phân bố quy mô lớp học năm 2023-24

Bảng này hiển thị quy mô lớp học trung bình và phân bố quy mô lớp học năm 2022-23. Các cột có tiêu đề “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp học theo từng loại quy mô (phạm vi tổng số học sinh trên mỗi phòng học). Ở bậc sơ trung, thông tin này được báo cáo theo môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Quy mô lớp học trung bình	Số lượng lớp học với 1-22 học sinh	Số lượng lớp học với 23-32 học sinh	Số lượng lớp học với 33 học sinh
Ngữ Văn Anh	25	14	11	12
Toán	28	8	4	18
Khoa Học	29	7	4	18
Khoa Học Xã Hội	29	7	3	19

## Tỷ lệ Học sinh so với Cố vấn học tập năm 2023-24

Bảng này hiển thị tỷ lệ học sinh so với Cố vấn học thuật. Một Tương đương toàn thời gian (FTE) tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian.

Chức danh	Tỷ lệ
Học sinh so với Cố vấn học tập	211

## Nhân viên Dịch Vụ Hỗ Trợ Học Sinh năm 2023-24

Bảng này hiển thị số lượng nhân viên hỗ trợ FTE được phân công cho trường này. Một Tương đương toàn thời gian (FTE) tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Danh mục “Khác” dành cho tất cả các vị trí nhân viên dịch vụ hỗ trợ học sinh khác không được liệt kê.

Chức danh	Số lượng FTE được phân công cho trường
Cố vấn (Phát triển học thuật, xã hội/hành vi hoặc nghề nghiệp)	4
Giáo viên truyền thông thư viện (Thủ thư)	
Nhân viên dịch vụ truyền thông thư viện (Hỗ trợ)	
Chuyên gia tâm lý	0.9
Nhân viên xã hội	1
Y tá	
Chuyên gia về phát âm/ngôn ngữ/thính giác	0.9
Chuyên gia nguồn lực (không giảng dạy)	
Khác	

## Chi tiêu cho mỗi học sinh và lương giáo viên tại trường trong năm tài chính 2022-23

Bảng này hiển thị chi phí cho mỗi học sinh và mức lương giáo viên trung bình của trường này trong năm 2022-23. Các ô có giá trị Không áp dụng không yêu cầu dữ liệu.

Cấp độ	Tổng Chi tiêu Mỗi học sinh	Chi tiêu Mỗi học sinh (Hạn chế)	Chi tiêu Mỗi học sinh (Không hạn chế)	Quy mô Giáo Viên Lương
<b>Trường</b>	\$15,307	\$3,719	\$11,588	\$103,187
<b>Khu học chánh</b>	Không áp dụng	Không áp dụng	10,142	\$110,806
<b>Phần trăm chênh lệch - Điểm trường và Khu học chánh</b>	Không áp dụng	Không áp dụng	13.3	-7.1
<b>Tiểu bang</b>	Không áp dụng	Không áp dụng	\$10,771	\$101,698
<b>Phần trăm chênh lệch - Điểm trường và Tiểu bang</b>	Không áp dụng	Không áp dụng	7.3	1.5

## Các loại dịch vụ được cấp kinh phí trong năm tài chính 2023-24

### Title I Funding:

Title I funds are dedicated to supporting low-achieving students, particularly in high-poverty schools. These funds provide additional academic support and learning opportunities needed to help disadvantaged students keep pace with their peers. This includes resources such as a bilingual aide in the classroom, monitoring of students with disabilities (SWD) and English learners (PL), before and after-school tutoring four days a week, and targeted SWD and PL tutoring. Title I also supports attendance monitoring to encourage timely class participation and contributes to the AVID program and services. In addition, it helps fund essential staffing positions within the campus.

### LCFF – Supplemental Grant:

The LCFF Supplemental Grant aims to provide additional funding, equal to 20% of the adjusted LCFF base grant, to support disadvantaged students who need extra resources to succeed.

### S&C (LCFF) – Concentration Grant:

The Concentration Grant offers further funding, equal to 50% of the adjusted LCFF base grant, for districts with over 55% of students identified as disadvantaged. This funding also helps address social-emotional needs by supporting the hiring of a full-time social worker and providing additional classroom staffing.

### Title IV Funding:

Title IV funds are allocated to enhance Physical Education programs and support safe, healthy student activities, including Positive Behavioral Interventions and Supports (PBIS), Social-Emotional Learning (SEL), and Gang Prevention initiatives.

### Community School Funding:

This five-year grant is designed to strengthen community engagement by funding a Teacher on Special Assignment (TOSA) for three periods and a coordinator to help meet the needs of the program, fostering stronger relationships within the community.

### CSI Funding:

The CSI funding is used to address critical areas such as high chronic absenteeism, low academic performance, and increased suspension rates through focused interventions aimed at improving student outcomes.

## Lương giáo viên và ban giám hiệu trong năm tài chính 2022-23

Bảng này hiển thị mức lương của Giáo viên và Ban giám hiệu trong năm 2022-23. Để biết thông tin chi tiết về mức lương, vui lòng tham khảo trang web Lương và Phúc lợi Chứng nhận CDE tại địa chỉ <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

Danh mục	Khu học chánh Số tiền	Trung bình của tiểu bang cho các Khu học chánh trong cùng một Danh mục
Lương giáo viên mới	\$61,034	\$62,635
Lương giáo viên có thâm niên trung bình	\$104,665	\$101,698
Mức lương giáo viên cao nhất	\$133,937	\$128,982
Mức lương hiệu trưởng trung bình (Tiểu học)	\$0	
Mức lương hiệu trưởng trung bình (Sơ trung)	\$149,493	\$162,013
Mức lương hiệu trưởng trung bình (Trung học)	\$161,969	\$182,697
Lương giám đốc	\$328,935	\$298,748
Phần trăm ngân sách dành cho Lương giáo viên	31.58	30.11
Phần trăm ngân sách dành cho lương của Ban giám hiệu	3.97	4.78

## Phát triển Chuyên môn

Teachers participate in a variety of District in-services as well as professional development workshops and conferences to enhance their content knowledge and instructional skills. This is in addition to four professional development days and weekly late-start meetings, which are scheduled each year for professional learning activities. New teachers are also required to participate in a teacher induction program that is hosted and led by AUHSD. The District and school continue to train teachers in strategies to deliver a differentiated curriculum with depth and complexity. Teachers learn to utilize students' assessment results in order to target instruction to better meet the individual needs of students. Classified staff members have many opportunities to participate in training designed to enhance their effectiveness with students. All District staff members are supported in their efforts to deliver highly effective lessons. Teachers and administrators are given many opportunities to examine current instructional programs and strategies and realign with state curriculum performance and content standards. Evidence-based instructional strategies are reviewed and implemented.

In addition to what the district provides, Ball Junior High School has weekly professional development opportunities on Thursday's late start days. The time is utilized by departments, specialized programs, focus teams, and cross-curricular articulation. All educational staff is involved in a variety of workshops and conferences. At Ball Junior High, staff members also partake in professional development that is centered on AUHSD's initiative including the 5C's, Capstone, and Career Preparedness Systems Framework (CPSF). Teachers also participate in data dives that allows them to analyze street data, comprehensive needs assessment, California dashboard results, attendance data, grades, and other data to drive instruction. Professional development is also conducted for the implementation and expansion of Universal design for learning, culturally relevant teaching, cross curricular lesson design, and to ensure that accommodations are embedded to allow students with special needs to access the curriculum.

Bảng này hiển thị số ngày học dành riêng cho phát triển nhân viên và cải tiến liên tục.

Môn học	2022-23	2023-24	2024-25
Số ngày học dành cho Phát triển nhân viên và Cải tiến liên tục	10	4	4